

Bản án số: 485/2018/HC-PT

Ngày 22 tháng 11 năm 2018

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2018/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 947a/2018/QĐPT - HC ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Quang T, sinh năm 1967 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 20/5 ấp 5, xã An Nhứt Tân, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1982. Trú 781/A24 Lê Hồng Phong (nối dài), Phường 12, Quận 10, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2018) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Thị Minh Thơ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trịnh Phước T2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số 1903/UQ-UBND ngày 15/11/2018) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Tấn T3 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Nhứt Tân L. Trụ sở chính: Số 25/1 Quốc lộ 1A, xã Long Hiệp, huyện B, tỉnh L – Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2017 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện ông Lê Quang T trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện Dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân, nhưng ông T không đồng ý vì bồi thường giá trị đất không đúng thực tế, chưa xem xét vị trí đất và các khoản hỗ trợ khác chưa đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L.

Tại văn bản số 1698/UBND-KT ngày 01/12/2017 và các lời khai tiếp theo của ông Trịnh Phước T2 là người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 21/8/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1107/QĐ-TTg về việc quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, trong đó có Khu công nghiệp An Nhứt Tân, tỉnh L. Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 31/7/2007 và Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 26/9/2007 về việc thu hồi đất tại xã An Nhứt Tân, huyện T, tỉnh L. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ dự án và chi trả tiền từ tháng 10/2007 đến tháng 12/2007 cho 257/361 hộ nhận số tiền 115/119,9 tỷ đồng. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 về việc phê duyệt hỗ trợ thêm đơn giá nhà và tái định cư ưu đãi bằng tiền, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định hỗ trợ tăng thêm giá trị, vật kiến trúc, công trình và tái định cư ưu đãi bằng tiền cho từng hộ dân và chi trả cho 236 hộ dân nhận 23.884.076.410 đồng. Sau đó có 82 hộ khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh L ban hành 82 bản án hủy các quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện T.

Sau khi Tòa án tuyên hủy các quyết định bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân trong đó có hộ ông Lê Quang T, đến ngày 12/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ dân và trên cơ sở đó, ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Quang T với số tiền 1.356.300.000 đồng (Mức cũ năm 2007 là 588.719.200 đồng). Ông T đã nhận đủ tiền bồi thường. Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T.

Tại văn bản ngày 23/02/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Nhứt Tân trình bày: Đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Các điều 74, 75 và Điều 83 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/02/2018, người khởi kiện ông Lê Quang T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Quang T và người đại diện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T, hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T vì quyết định này căn cứ vào Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L, mà Quyết định số 148 được ban hành trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá sai quy định của pháp luật. Về trình tự, thủ tục ban hành của Quyết định số 373/QĐ-UBND vi phạm khoản

2 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, vi phạm khoản 2 Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, Thông tư số 36 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị bác kháng cáo của ông Lê Quang T.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của ông Lê Quang T và đề nghị của Luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Quang T trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Dự án khu công nghiệp An Nhứt Tân, tỉnh L được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 (khoản 1 Luật đất đai năm 2003) thì Dự án khu công nghiệp An Nhứt Tân là dự án Nhà nước thực hiện thu hồi đất nên không thuộc trường hợp chủ đầu tư phải thỏa thuận với chủ sử dụng đất.

[3] Về giá đất bồi thường: Tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định việc bồi thường tính theo giá đất cụ thể. Dự án khu công nghiệp An Nhứt Tân thu hồi các thửa đất (đất lúa) liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau, nên Ủy ban nhân dân huyện T đã bồi thường giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất là đúng quy định tại khoản 5 Điều 4; điểm đ khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không phụ thuộc vào Chứng thư thẩm định giá. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang T và lời bảo vệ của Luật sư cho rằng Ủy ban nhân dân áp dụng giá đất bồi thường trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá sai quy định của pháp luật.

[4] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1229 QSDĐ/0901 – LA ngày 07/02/1998 do ông Lê Quang T đứng tên thể hiện thửa đất số 263 và thửa đất số 869 là đất lúa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00448 QSDĐ/0901 – LA ngày 28/11/1991 do bà Trương Thị K đứng tên thể hiện thửa đất số 528 là đất lúa (Ông T nhận thừa kế của bà K). Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2018 và tại bản đồ quy hoạch chi tiết xã An Nhứt Tân thì các thửa đất số 263, 869 và 528 đều là đất lúa, không có quy hoạch khu dân cư, cũng không có phê duyệt của cơ quan thẩm quyền về khu dân cư ở khu vực này. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu

cầu của ông Lê Quang T đòi bồi thường các thửa đất số 263, 869 và 528 theo loại đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư.

[5] Về bồi thường các tài sản trên đất: Tuy các tài sản trên đất được kiểm kê từ năm 2007, nhưng việc bồi thường được áp giá theo quy định tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 và Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là phù hợp nên việc ông T cho rằng giá bồi thường không đúng với giá tại thời điểm áp giá bồi thường là không có cơ sở.

[6] Về các khoản hỗ trợ: Tại Điều 15 Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm không quá 0,4 lần được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh là không trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện T đã áp dụng mức hỗ trợ 0,4 lần giá đất nông nghiệp cùng loại để hỗ trợ cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về mua nền ưu đãi: Ông T được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L và theo quyết định này không còn triển khai việc mua nền ưu đãi.

[8] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Quang T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Quang T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Bác đơn khởi kiện của ông Lê Quang T yêu cầu hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Quang T cư ngụ tại ấp 5, xã An Nhứt Tân, huyện T do thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp An Nhứt Tân.

[3] Ông Lê Quang T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001187 ngày 07/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

